

Dân số, gia đình và sự biến đổi kinh tế - xã hội

Từ tháng 3/1990. Chủ nhiệm Dự án VIE/88/P05 đã ủy nhiệm cho Giáo sư Đỗ Thái Đồng và Phó tiến sĩ Phạm Bích San xây dựng chương trình nghiên cứu "Về sự biến đổi mức sinh trong những điều kiện kinh tế - xã hội mới hiện nay thông qua sự biến đổi gia đình" và gọi tắt là FFS. Theo kế hoạch, cuộc nghiên cứu gồm 4 bước.

Bước thứ nhất: tiến hành nghiên cứu tại các xã ở đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng ven biển miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long. Kích thước mẫu 200 hộ gia đình với 400 hộ tại mỗi xã.

- Bước thứ hai: xử lý số Liệu bằng máy vi tính và phân tích sơ bộ kết quả.

- Bước thứ ba: nghiên cứu sâu theo cách tiếp cận mới tại ba xã - Bước thứ tư. Viết báo cáo và tổ chức hội thảo.

Sau một năm triển khai, cuộc nghiên cứu FFS đã thu được 1155 phiếu và hộ gia đình, 820 phiếu về phụ nữ, xử lý xong kết quả và triển khai nghiên cứu sâu ở Bắc Bộ, Trung Bộ.

Trong các ngày 15, 16 và 17 tháng 8 năm 1991, Viện Xã hội học đã tổ chức hội thảo khoa học về chương trình FFS. Nhiều nhà khoa học đại diện cho ủy ban Quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình và ủy ban dân số một số tỉnh đã đến dự. Hơn 20 báo cáo khoa học đã được trình bày tại hội thảo. Trong mục Dẫn đàn Xã hội học kỳ này chúng tôi trích đăng một số tham luận tại hội thảo khoa học đó.

Quan niệm của người nông dân về giá trị đưa con với cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình

TRỊNH HÒA BÌNH*

Từ góc độ văn hóa, chúng tôi xem xét tác nhân định hướng giá trị về đưa con với thực tế đạt được của cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình qua nhiều khảo sát xã hội học gần đây ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ như cuộc nghiên cứu FFS năm 1990, chương trình P20 năm 1989 và một số tài liệu điều tra khác trong năm 1990.

Các kết quả nghiên cứu FFS ở Văn Nhân (Hà Tây), Tam Sơn, Đình Bảng (Hà Bắc), Hải Vân (Hà Nam Ninh) cho thấy, hiện nay, tuyệt đại đa số phụ nữ trong tuổi sinh đẻ cũng như các chủ hộ gia đình nông dân đều có thái độ tán thành mô hình gia đình ít con. Nhưng mô hình "ít con" với họ là bao nhiêu? Nhu cầu về con ở nông thôn luôn luôn cao hơn ở thành thị là một thực tế Quan niệm nhiều, ít con của các hộ gia đình theo chúng tôi được biết là khác với chuẩn mực "từ 1 đến 2 con" đã và đang được vận động. Chúng tôi lấy chỉ tiêu "một cặp vợ chồng có 3 con" để so sánh thì số gia đình muốn có 4 con trở lên đã có tới trên 20% Trên 10% số cặp vợ chồng coi con số đó mới chỉ là vừa đủ. Con số 4 con chính là điểm đầu của sự "đông con!" theo quan niệm khá phổ biến ở nông thôn.

Mặt khác, các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng số con trong các gia đình tăng dần theo độ tuổi người mẹ: dưới 25, phụ nữ còn sinh đẻ ít, từ 25 đến 35 phụ nữ sinh đẻ nhiều nhất, và giảm sinh đẻ dần sau tuổi 40. Với các cặp vợ chồng có học vấn cao hơn, tỷ lệ sinh cũng giảm...

Mặc dù có tới 1/4 số gia đình muốn sinh đến 4 con trở lên, song nếu chúng ta so với bảng giá trị cổ truyền thì cũng đã thấy được bước chuyển căn bản trong quan niệm của người nông dân. Có điều đó là do tác động từ nhiều phía. Trong đó, phải ghi nhận hiệu quả tích cực của công tác kế hoạch hóa gia đình, của sự nghiệp giáo dục đã nâng cao học vấn và văn hóa nói chung cho toàn dân trong giai đoạn vừa qua . . .

*. Cán bộ nghiên cứu, Phòng Xã hội học Dân số và Gia đình, Viện Xã hội học

Tuy nhiên, việc số con thực tế và cả số con mong muốn trong suy nghĩ thực của người nông dân còn cao hơn chỉ tiêu kế hoạch hóa gia đình cũng cho thấy *những biến đổi diễn ra còn chậm*

và vẫn còn xu hướng duy trì bằng giá trị truyền thống. Chẳng hạn, thăm dò 250 phụ nữ ở Chương Mỹ (Hà Tây), người ta thấy vẫn có tới 11,6% số chị em cho rằng "Nhiều con hơn nhiều của" và 15,0% số chị em quan niệm một gia đình đông con thường có uy tín trong làng xã. "... Đặc biệt, với số phụ nữ đông con, học vác thạp, tuổi lớn, xu hướng ấy càng mạnh. Các khảo sát trong khuôn khổ chương trình FFS cũng như nhiều điều tra xã hội học khác trong thời gian gần đây cho thấy quá trình phấn đấu giảm tỷ lệ sinh ở nông thôn Bắc Bộ còn nhiều khó khăn.

Nếu quan niệm về số con được các cặp vợ chồng lựa chọn hạn chế lại ở con số 3 thì việc đánh giá khác biệt giữa con trai với con gái cùng những định hướng theo đuổi chúng lại luôn tạo ra nguy cơ phá vỡ con số đó. Các khảo sát đều cho thấy phần lớn các gia đình đều mong có con trai. Điều mong mỏi này lớn tới mức, thậm chí một số gia đình cho rằng không có con gái cũng được. Ngay bản thân những người vợ cũng đạt vẫn đề như vậy. Chương trình P20 cho biết, tại các điểm điều tra có 74,4% phụ nữ nêu yêu cầu phải "có con trai để nối dõi tông đường" cho nhà chồng. Cơ sở của quan niệm này xuất phát từ ưu thế tự nhiên về giới, sức mạnh về thể chất của đứa con trai. Nhưng chủ yếu nhất, có lẽ vẫn là sự chi phối của quan niệm nối dõi, tông đường, phụng thờ hương hỏa.

Tất cả những điều đó vừa chi phối việc hình dung mô hình số con lý tưởng, vừa tác động một cách trực tiếp đến hành vi sinh đẻ của con người, tạo nên hiện trạng mức sinh thực tế trong đời sống cộng đồng nông thôn...

Dương nhiên, với mỗi cặp vợ chồng, tùy hoàn cảnh thực tế đời sống kinh tế - tình cảm - tinh thần - tình dục, cũng như hiểu biết kinh nghiệm và cả yếu tố xác suất trong đời sống thường ngày nữa... mà mô hình gia đình ít nhiều biến đổi. Ở đây có một nhận xét là tác động của công tác kế hoạch hóa gia đình và dân số nói chung còn ít hiệu lực. Cho dù người ta có dùng những biện pháp hành chính - pháp luật, xử phạt nghiêm đối với các cặp vợ chồng đã có 2 hoặc 3 đứa con mà vẫn cố tình đẻ thêm mong được cậu con trai.

Từ thực tế đó cho thấy, nhiệm vụ của kế hoạch hóa gia đình trong điều kiện hiện nay, trên bình diện văn hóa chính là làm sao để tác động đúng vào định hướng giá trị của người nông dân về số con và giới tính con cái.

Hiện nay, việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình đã được đại đa số các cặp vợ chồng chấp thuận như là một nội dung lớn của trách nhiệm xây dựng đời sống văn hóa mới. Điều tra FFS ở Văn Nhân (Hà Tây) cho thấy có tới 83,2% số bà mẹ chồng ủng hộ việc áp dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình của con dâu. Tỷ lệ các bậc cha-mẹ đẻ tán thành chị em phụ nữ thực hiện kế hoạch hóa gia đình cũng đạt tới 80,6% và 85,8% 83,2% số bạn bè thân thiết ủng hộ việc chị em đặt vòng tránh thai (hoặc sử dụng các biện pháp khác)... Các con số nói lên một bầu không khí xã hội thuận lợi cho người phụ nữ lựa chọn hành vi sinh đẻ có kế hoạch, nó cũng khẳng định và củng cố ý thức về vai trò trách nhiệm chính của bản thân người phụ nữ trong công tác kế hoạch hóa gia đình ở từng cơ sở, ở mỗi địa phương. . .

Tuy nhiên, trên bình diện chung, ý thức về vai trò, trách nhiệm trong kế hoạch hóa gia đình của người phụ nữ còn tồn tại như là những cảm nhận chức năng chưa vững chắc.

Mức độ tiếp nhận các biện pháp kế hoạch hóa gia đình và khả năng tự chủ trong hành vi sinh sản để khống chế số con theo kế hoạch là chỉ báo quan trọng ghi nhận các giá trị mới từ đời sống người nông dân trong quá trình thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Nhưng sự lựa chọn cách thức áp dụng biện pháp tránh thai không hoàn toàn chỉ do ý muốn của người phụ nữ. Các thành viên khác của gia đình, chẳng hạn người chồng, bố mẹ chồng. . . Ở những trường hợp nhất định đã có sự can thiệp vào quá trình lựa chọn đó. Ngoài ra, các điều kiện kinh tế - vật chất - kỹ thuật hoặc tập quán địa phương đều hoặc nhiều, hoặc ít tác động đến sự lựa chọn của người phụ nữ. Mặc dù vậy, trên đại thể có thể xem bức tranh chung về sự hiểu biết cũng như thực tế vận dụng các phương pháp kỹ thuật tránh thai của người phụ nữ thể hiện một sự lựa chọn giá trị trong quá trình thực hành kế hoạch hóa gia đình. Xét về nhận thức, qua khảo sát luôn luôn có khoảng một nửa số chị em đã được giới thiệu tất cả các biện pháp tránh thai. Song, số biết cách sử dụng thì không nhiều. Đặc biệt là, số đã và đang sử dụng thì hầu như chỉ tập trung ở 3 phương pháp chính. Trong đó, phổ biến nhất là phương pháp đặt vòng. Điều này có thể ao sự áp đặt từ phía các hoạt động dân số và kế hoạch hóa gia đình ở địa phương, và nhờ tính tiện lợi của phương pháp đặt vòng. Các phương pháp tính lịch và xuất tinh ngoài cũng đạt chỉ số cao hơn hẳn các phương pháp còn lại ở đây, chúng ta có thể thấy rõ hơn sự tự ý thức trong ứng xử của người phụ nữ: sự lựa chọn ấy của họ nhằm đạt tới giá trị cao hơn, đó là sự tiện lợi, an toàn, chi phí thấp và đơn giản.

Tim hiểu các nguồn thông tin đem lại hiểu biết kế hoạch hóa gia đình cho phụ nữ, chúng tôi thấy rằng, nói

chung các cơ sở y tế địa phương chưa nắm giữ được vai trò chủ chốt Chỉ nơi nào có cơ sở y tế mạnh đặc biệt là cơ sở vật chất - kỹ thuật được đầu tư, tài trợ, tăng cường từ trên xuống mới có thể làm tốt vai trò này. Theo chương trình P20, chỉ có 32,8% phụ nữ đã có những hiểu biết về sinh đẻ có kế hoạch qua hoạt động của trạm y tế. Số lớn hơn có được là do các nguồn thông tin đại chúng, qua hoạt động của hội phụ nữ và đoàn thanh niên... Phải chăng đây là một trong những lý do chưa cho phép chúng ta đạt được các hiệu quả mong muốn.

Nhiệm vụ giảm mức sinh đã và đang trở thành sự nghiệp trọng đại và cấp bách. Thực hiện nó là một công việc không dễ dàng. Mâu thuẫn giữa sự nghiệp kế hoạch hóa số dân và thực tế sinh đẻ đang diễn ra ngay trong mỗi gia đình. Từ thực tiễn nghiên cứu chúng tôi nêu ra hai nhận xét:

1. Ngày nay, đa số các cặp vợ chồng còn xem việc tượng con nhiều chính. là giá trị "trời cho", có thể đem lại uy tín và sức mạnh trong cộng đồng làng xã. Điều kiện sống và hệ thống nhu cầu mới cũng đã phần nào buộc các gia đình tự giới hạn số con. Các biện pháp kế hoạch hóa gia đình cũng giúp các bậc cha mẹ định được các lần sinh con, khoảng cách sinh con v.v... trong bối cảnh gia đình trở thành chủ thể kinh tế ở nông thôn.

Bước chuyển đột khởi đó sẽ kéo theo *sự lựa chọn bằng giá trị mới* dù còn chưa phải là tự giác Số con mà các gia đình nông dân mong muốn trong khoảng trên dưới 3 con là bằng chứng cho sự chuyển đổi đó! Thế nhưng, sự phân biệt còn khá sâu sắc, nặng nề ở giá trị con trai, con gái đã làm *phức tạp hóa các mô hình gia đình và định hướng theo đuổi của những người làm cha mẹ. Đây chính là nguyên nhân sâu kín ẩn chứa khả năng làm tăng mức sinh. Việc số lớn nông dân đòi hỏi có con trai, thậm chí là 2 trở lên mà có thể không cần con gái là một định hướng giá trị đặc biệt. Điều đó không chỉ giải thích ở sự bảo lưu các giá trị cổ truyền mà còn cần phải được lưu ý, cắt nghĩa từ điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay.* ở dạng mong muốn lý tưởng, mô hình 2 trai + 1 gái = 3 con là một định hướng mà công cuộc kế hoạch hóa số dân cần xem xét ít nhất là trong thời gian trước mắt. Ở đó, có thể thấy những chuyển biến không đứt đoạn, tựa như giữa sự không tương ứng giữa tiến bộ khoa học mới và bằng giá trị lựa chọn.

2. Nếu chỉ tiêu xã hội đặt ra cho công tác kế hoạch hóa gia đình còn chưa hợp lý, thực tiễn sinh đẻ cũng như ước muốn, sự lựa chọn của các cặp vợ chồng nông dân v.v... đang còn diễn ra hết sức phức tạp .và chậm chạp thì vấn đề đặt ra trước mắt có thể là: làm sao để nâng cao được hơn nữa tác động tích cực của văn hóa trong quá trình tiếp nhận bằng giá trị mới ở người nông dân. Mặt khác, sự kế hoạch hóa số dân phải được triển khai mạnh mẽ hơn, toàn diện hơn, trên một cơ sở khoa học hơn.